

## ÔN TẬP CHƯƠNG VI

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

Nắm được các kiến thức trọng tâm trong chương, làm được các bài tập tiêu biểu.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giáo tiếp và hợp tác: Học sinh chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm. Biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi, tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Nhận biết hai phân số bằng nhau. So sánh được các phân số cùng mẫu.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. Thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia phân số. Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp và tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Giải một số bài toán thực tiễn liên quan đến tính toán với phân số.

#### 3. Phẩm chất

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm, đánh giá công bằng, khách quan.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

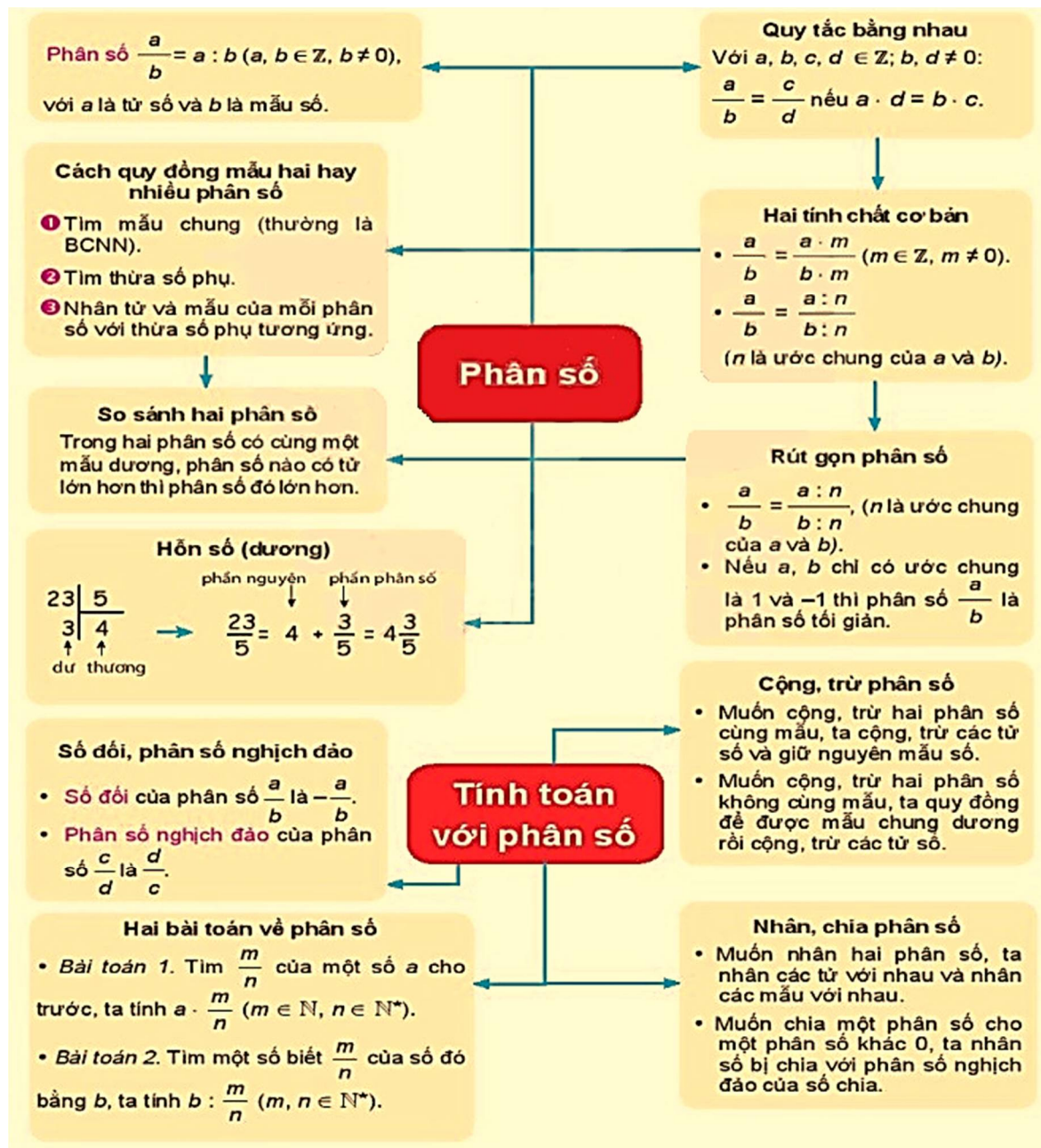
### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: Ôn tập lí thuyết (15 phút)

a) *Mục tiêu*: Nhắc lại lí thuyết trọng tâm trong Chương VI.

b) *Nội dung*: Đọc và tổng kết kiến thức trong Chương VI theo sơ đồ.

c) Sản phẩm: Sơ đồ kiến thức.



d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức phát vấn bằng cách gọi HS lên bảng kiểm tra bài cũ, mỗi em một vấn đề (gọi khoảng 7 HS). + Hãy nêu dạng tổng quát của phân số. Phân số $\frac{a}{b}$ là kết quả	7 HS lên bảng thực hiện.  HS nhận xét.

<p>của phép tính nào? Hãy nêu quy tắc bằng nhau của hai phân số?</p> <p>+ Phát biểu các tính chất cơ bản của phân số. Nêu các bước quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số.</p> <p>+ Hãy nêu cách rút gọn phân số. Nêu quy tắc so sánh 2 phân số.</p> <p>+ Khi viết một phân số (lớn hơn 1) dưới dạng hỗn số ta làm như thế nào? Hỗn số gồm mấy phần?</p> <p>+ Phát biểu quy tắc cộng, trừ phân số. Thế nào là số đối?</p> <p>+ Phát biểu quy tắc nhân, chia phân số. Thế nào là phân số nghịch đảo?</p> <p>+ Phát biểu quy tắc tìm giá trị phân số của một số, tìm một số biết giá trị phân số của số đó.</p> <p>Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.</p>	
--	--

### Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (23 phút)

a) **Mục tiêu:** Nhận biết hai phân số bằng nhau. Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. So sánh được các phân số cùng mẫu. Thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia phân số. Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp và tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. Giải một số bài toán thực tiễn liên quan đến tính toán với phân số.

b) **Nội dung:**

– Bài tập 6.44/SGK tr.27: Thay số thích hợp vào dấu “?”.  $\frac{-10}{16} = \frac{?}{56} = \frac{20}{?} = \frac{50}{?}$ .

– Bài tập 6.49/SGK tr.27: Các phân số sau được sắp xếp theo một quy luật, hãy quy đồng mẫu các phân số để tìm quy luật, rồi viết hai phân số kế tiếp.  $\frac{1}{8}; \frac{1}{20}; \frac{-1}{40}; \frac{-1}{10}; \dots; \dots$

– Bài tập 6.45/SGK tr.27: Tính một cách hợp lí:

a)  $\mathbf{A} = \frac{-3}{14} + \frac{2}{13} + \frac{-25}{14} + \frac{-15}{13};$

b)  $\mathbf{B} = \frac{5}{3} \cdot \frac{7}{25} + \frac{5}{3} \cdot \frac{21}{25} - \frac{5}{3} \cdot \frac{7}{25}.$

– Bài tập 6.46/SGK tr.27: Mẹ mua cho Mai một hộp sữa tươi loại 1000 ml. Ngày đầu Mai uống  $\frac{1}{5}$  hộp; ngày tiếp theo Mai uống tiếp  $\frac{1}{4}$  hộp.

a) Hỏi sau hai ngày hộp sữa tươi còn lại bao nhiêu phần?

b) Tính lượng sữa tươi còn lại sau hai ngày.

c) **Sản phẩm:**

– Bài tập 6.44/SGK tr.27:  $\frac{-10}{16} = \frac{-35}{56} = \frac{20}{32} = \frac{50}{-80}.$

– Bài tập 6.49/SGK tr.27: Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé:

$$\frac{5}{40}; \frac{2}{40}; \frac{-1}{40}; \frac{-4}{40}; \frac{-7}{40}; \frac{-10}{40}.$$

– Bài tập 6.45/SGK tr.27: Tính một cách hợp lí:

$$\begin{aligned} \text{a) } \mathbf{A} &= \frac{-3}{14} + \frac{2}{13} + \frac{-25}{14} + \frac{-15}{13} = \frac{-3}{14} + \frac{-25}{14} + \frac{2}{13} + \frac{-15}{13} = \left( \frac{-3}{14} + \frac{-25}{14} \right) + \left( \frac{2}{13} + \frac{-15}{13} \right) \\ &= \frac{(-3)+(-25)}{14} + \frac{2+(-15)}{13} = \frac{-28}{14} + \frac{-13}{13} = (-2) + (-1) = -3; \end{aligned}$$

$$\text{b) } \mathbf{B} = \frac{5}{3} \cdot \frac{7}{25} + \frac{5}{3} \cdot \frac{21}{25} - \frac{5}{3} \cdot \frac{7}{25} = \frac{5}{3} \cdot \left( \frac{7}{25} - \frac{7}{25} + \frac{21}{25} \right) = \frac{5}{3} \cdot \left( 0 + \frac{21}{25} \right) = \frac{5}{3} \cdot \frac{21}{25} = \frac{7}{5}.$$

– Bài tập 6.46/SGK tr.27:

$$\text{a) Sau hai ngày hộp sữa tươi còn lại: } 1 - \frac{1}{5} - \frac{1}{4} = \frac{11}{20} \text{ (phần).}$$

$$\text{b) Lượng sữa tươi còn lại sau hai ngày là: } 1000 \cdot \frac{11}{20} = 550 \text{ (ml).}$$

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS hoàn thành Bài tập 6.44; 6.49/SGK tr.27 vào phiếu học tập.	HS hoạt động cá nhân.
+ Đối với Bài tập 6.44 hướng dẫn sử dụng quy tắc bằng nhau của phân số hoặc biến số $\frac{-10}{16} = \frac{-5}{8}$ là phân số tối giản rồi dùng tính chất cơ bản của phân số thực hiện.	HS trả lời.
– GV thu 5 phiếu học tập của 5 HS hoàn thành nhanh nhất để nhận xét cho điểm. Còn lại HS trao đổi bài, kiểm tra chéo nhau.	– HS nhận xét, đánh giá.
– GV chiếu nội dung Bài tập 6.45/SGK tr.27 yêu cầu HS hoàn thành.	
+ Yêu cầu HS phân tích đầu bài, nên áp dụng những tính chất nào đã học để giải quyết bài tập này?	HS trả lời. HS hoạt động cá nhân.
+ Gọi 2 HS lên bảng thực hiện. GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời.	2 HS lên bảng thực hiện.
Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.	HS nhận xét, đánh giá.
– GV chiếu Bài tập 6.46/SGK tr.27 yêu cầu HS hoàn theo nhóm.	

GV gọi HS phân tích đầu bài. + Bài toán đã cho những số liệu nào? Áp dụng quy tắc nào đã học để giải quyết bài tập này? + Gọi nhóm có đáp án nhanh nhất lên bảng trình bày. – Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất.	HS trả lời.  HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ. HS nhận xét.
---	--

#### Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào giải bài toán thực tế.

b) **Nội dung:** Bài tập 6.48/SGK tr.27.

c) **Sản phẩm:** Bài tập 6.48/SGK tr.27:

$$\text{Ta có: } 365 \frac{1}{4} = \frac{1461}{4} \text{ (ngày).}$$

$$\text{Số giờ ngủ trung bình của con người là: } \frac{1461}{4} \cdot 8 = 2922 \text{ (giờ).}$$

Vì mỗi ngày có 24 giờ nên số ngày ngủ trung bình là:

$$2922 : 24 = \frac{2922}{24} = 121 \frac{3}{4} \text{ (ngày).}$$

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu Bài tập 6.48/SGK tr.27 yêu cầu HS hoàn theo nhóm. GV gọi HS phân tích đầu bài, bài toán đã cho những số liệu nào? + Gọi nhóm có đáp án nhanh nhất lên bảng trình bày. – Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất.	HS trả lời. HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ. HS nhận xét.

#### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập lại kiến thức và các dạng bài tập đã chữa.

– Tìm hiểu trước nội dung bài 28. *Số thập phân.*